

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày 11 tháng 01 năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1954. Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nữ. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố số 4, phường HM, thị xã DT, tỉnh Hà Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 7/10; Con ông: Nguyễn Văn L (đã chết); Con bà: Trần Thị T (đã chết). Bị cáo có 9 anh em, bị cáo là thứ năm. Chồng: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1953. Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm: 1979. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị hại:**

1. Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 21, ngõ 195, đường C, phường L, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1933 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 8, đường CKV, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm:1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 101, tổ 12, Làng Trạm, phường LB, quận LB, Thành phố Hà Nội

4. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1962(vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 18, tầng 4, Tòa nhà A1, Chung cư E, số 58, đường TH, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

5. Bà Khúc Thị B, sinh năm: 1954(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 68, đường T, phường ThC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1947(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 100, đường TNH, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1951(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 63, đường LC, Khu 2, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

8. Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1960(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 13, đường NKN, phường Tn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

9. Bà Ngô Thị V, sinh năm: 1953(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 5, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

10. Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H2, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

11. Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 115, đường T, phường TP, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

12. Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm: 1974(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 79, ngõ 20, đường NKN, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

13. Bà Dương Thị L, sinh năm: 1965(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

14. Bà Dương Thị L1, sinh năm: 1960(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

15. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1939(vắng mặt)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường TNH, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

16. Bà Lê Thị Ng, sinh năm: 1974(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 88, đường C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

17. Bà Đỗ Thị HH, sinh năm: 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 15, tổ A, phường MĐ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

18. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1959(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 21, ngõ 100, đường TNH, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

19. Bà Bùi Thị Sn, sinh năm: 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 100, đường TNH, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường HM, thị xã DT, tỉnh Hà Nam

2. Ông Phạm C, sinh năm: 1932 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 3, ngõ 8, đường C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời điểm năm 1998, Nguyễn Thị V, sinh năm 1954 đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số nhà 13, ngõ 8, đường Trần Nguyên Hãn, cụm 4B, phường T, thị xã Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. V làm nghề bán thịt lợn tại chợ Hà Vị, phường T, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Từ năm 1997 đến năm 1998, V nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại là hàng xóm và bạn bè cùng buôn bán với V bằng hình thức vay tiền và chơi bắt họ. Cụ thể như sau:

1. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/1998 (âm lịch) đến ngày 24/3/1998 (âm lịch), V đã vay tiền và thu bắt họ của bà Đỗ Thị M, sinh năm 1954 (năm 1998 cư trú tại số nhà 119, đường TNH, phường T, thị xã Bắc Giang) hiện nay trú tại số nhà 21, ngõ 195, đường C, phường L, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang 03 mã với số tiền là 52.500.000 đồng, lãi xuất 2,5%/tháng. V đã trả cho

bà Minh số tiền họ là 2.400.000 đồng, số tiền gốc còn lại và tiền lãi thì V chưa trả được cho bà M.

2. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/11/1997 (âm lịch) đến ngày 15/01/1998 (âm lịch), V đã vay tiền và thu tiền bát họ của bà Phạm Thị Th, sinh năm 1933, (năm 1999 cư trú tại tổ 2, cụm 3, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay cư trú tại số nhà 03, ngõ 8, đường C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tổng số tiền là 13.000.000 đồng. V chưa trả cho bà Th số tiền trên.

3. Ngày 08/2/1998 (âm lịch) và ngày 08/3/1998 (âm lịch), V đã vay của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959, (năm 1999 cư trú tại số nhà 18, ngõ 6, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 03, ngõ 101, tổ 12, Làng Trạm, phường LB, quận LB, thành phố Hà Nội, 02 mã vay với tổng số tiền là 15.000.000 đồng. V chưa trả cho bà L số tiền trên.

4. Ngày 18/12/1997 (dương lịch), V đã vay của bà Lê Thị H, sinh năm 1962, (năm 1999 cư trú tại số nhà 17 ngõ 2, đường H, xã DK, thị xã Bắc Giang), hiện nay cư trú tại phòng 18, tầng 4, tòa nhà A1, Chung cư E, số 58 đường TH, phường T, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, số tiền 10.000.000 đồng, lãi xuất 2%/tháng. V chưa trả cho bà H tiền gốc và tiền lãi trên.

5. Từ ngày 05/7/1997 (âm lịch) đến ngày 05/02/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Khúc Thị B, sinh năm 1954, (năm 1999 cư trú tại số nhà 43, cụm 5, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện cư trú tại số nhà 68, đường T, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, 02 bát họ với tổng số tiền là 13.400.000 đồng. V chưa trả cho bà B số tiền trên.

6. Từ ngày 05/7/1997 (âm lịch) đến ngày 05/3/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, (năm 1999 cư trú tại số 29, ngõ 8, đường TNH, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 29, ngõ 100, đường Trần Nguyên Hãn, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, 02 bát họ với số tiền là 15.400.000 đồng và ngày 27/12/1997 (âm lịch) vay của bà Lộc số tiền là 6.000.000 đồng, lãi xuất 2%/tháng. V chưa trả cho bà L số tiền gốc, tiền lãi trên.

7. Năm 1996 (âm lịch), V vay của bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1951, (năm 1999 cư trú tại số nhà 11, ngõ 8, đường Trần Nguyên Hãn, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 63 đường Lê Chân, khu 2, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh số tiền 10.000.000 đồng, lãi xuất 2%/tháng và thu một bát họ với số tiền là 5.200.000 đồng. V chưa trả cho bà L1 tiền gốc, tiền lãi trên.

8. Từ ngày 05/7/1997 (âm lịch) đến ngày 08/3/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Bùi Thị T, sinh năm 1960 (năm 1999 cư trú tại khu tập thể văn hóa, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện hay trú tại số nhà 03, ngõ 13, đường NKN,

tổ 4, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang 01 bát hộ với số tiền là 12.300.000 đồng. V chưa trả cho bà T số tiền trên.

9. Từ ngày 05/7/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Ngô Thị V, sinh năm 1953, (năm 1999 cư trú tại cụm 5, khu ban, xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 30, tổ 5, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 9.200.000 đồng. V chưa trả cho bà V số tiền trên.

10. Từ tháng 7/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Đỗ Thị M, sinh năm 1969, (năm 1999 cư trú tại thôn Hà Vị, xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại tổ dân phố H2, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 9.200.000 đồng. V chưa trả cho bà M số tiền trên.

11. Từ tháng 9/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của chị Đỗ Thị T, sinh năm 1971, (năm 1999 cư trú tại số 31, ngõ 16, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 115, đường Thân Nhân Tín, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 7.200.000 đồng. V chưa trả cho chị T số tiền trên.

12. Từ tháng 11/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1974, (năm 1999 cư trú tại khu tập thể sở điện, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số 79, ngõ 20, đường NKN, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 2.600.000 đồng và vay số tiền 2.000.000 đồng, không tính lãi xuất. V chưa trả cho chị H số tiền trên.

13. Từ tháng 12/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Dương Thị L, sinh năm 1965, (năm 1999 cư trú tại xóm Tiên, xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại tổ dân phố Tiên, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 2.600.000 đồng. V chưa trả cho bà L số tiền trên.

14. Năm 1997 (âm lịch) V đã thu của bà Dương Thị L1, sinh năm 1960, (năm 1999 cư trú tại xóm Tiên, xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại tổ dân phố Tiên, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 2.600.000 đồng. V chưa trả cho bà L1 số tiền trên.

15. Từ tháng 7/1997 (âm lịch) đến tháng 2/1998 (âm lịch), V đã thu của bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1939, (năm 1999 cư trú tại ngõ 102, cụm 4, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại ngõ 102, đường Trần Nguyên Hãn, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 8.700.000 đồng. V chưa trả cho bà Nh số tiền trên.

16. Năm 1997 (âm lịch) V đã thu của chị Lê Thị Ng, sinh năm 1974, (năm 1999 cư trú tại xóm Hà Vị, xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại

số nhà 88, đường C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 9.400.000 đồng. V đã trả được cho chị Ng số tiền 6.200.000 đồng, còn nợ lại số tiền 3.200.000 đồng.

17. Từ tháng 7/1997 (âm lịch) đến tháng 3/1998 (âm lịch), V đã thu của chị Đỗ Thị HH, sinh năm 1971, (năm 1999 cư trú tại tổ 20, thôn Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số 9, ngõ 15, tổ 4, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang một bát hộ với số tiền là 9.200.000 đồng. V chưa trả cho chị HH số tiền trên.

18. Ngày 28/12/1997 (dương lịch) V vay của bà Trần Thị H, sinh năm 1959, (năm 1999 cư trú tại số 21, tổ 5, cụm 4, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện nay trú tại số nhà 21, ngõ 100, đường T, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền 3.000.000 đồng, lãi xuất 1%/tháng. V chưa trả cho bà H số tiền lãi và tiền gốc.

19. Ngày 08/6/1997 (âm lịch) và ngày 11/7/1997 (âm lịch), V vay của bà Bùi Thị Sn, sinh năm 1951, (năm 1999 cư trú tại số nhà 17, ngõ 8, đường Trần Nguyên Hãn, phường T, thị xã Bắc Giang), hiện trú tại số nhà 17, ngõ 100, đường T, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, 02 mã vay với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi xuất 1%. V chưa trả cho bà Sn số tiền lãi và tiền gốc nêu trên.

Sau khi vay tiền, nhận tiền đóng hộ của các cá nhân trên, V không trả. Ngày 20/5/1998 V đã bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi bị Nguyễn Thị V chiếm đoạt tiền, bà Đỗ Thị M, bà Phạm Thị Th, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị H, bà Khúc Thị B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Bùi Thị T, bà Ngô Thị V, bà Đỗ Thị M, chị Đỗ Thị T, chị Vũ Thị Thu H, bà Dương Thị L, bà Dương Thị L1, bà Nguyễn Thị Nh, bà Lê Thị Ng, chị Đỗ Thị HH, bà Trần Thị H, bà Bùi Thị Sn đã làm đơn trình báo Công an thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 11/6/1999, Cơ quan điều tra Công an thị xã Bắc Giang ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị V. Ngày 11/10/1999, cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 02 đối với Nguyễn Thị V.

Ngày 05/8/2021, Nguyễn Thị V đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Thị V cùng chồng là Nguyễn Văn Th đã bồi thường cho bà Đỗ Thị M số tiền 51.600.000 đồng; ông Phạm Văn Cường là chồng bà Phạm Thị Th số tiền 13.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng; bà Lê Thị H số tiền 10.000.000 đồng; bà Khúc Thị B số tiền 13.400.000 đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 21.400.000 đồng; bà Nguyễn Thị L1 số tiền 15.100.000 đồng; bà Bùi Thị T số tiền 12.300.000 đồng; bà Ngô Thị V số tiền 9.200.000 đồng; bà Đỗ Thị M số tiền 9.200.000 đồng; chị Đỗ Thị T số tiền 7.200.000 đồng; chị Vũ Thị Thu H số tiền 4.600.000 đồng; bà Dương

Thị L số tiền 2.600.000 đồng; bà Dương Thị L1 số tiền 2.600.000 đồng; bà Nguyễn Thị Nh số tiền 8.700.000 đồng; chị Lê Thị Ng số tiền 3.200.000 đồng; chị Đỗ Thị HH số tiền 9.200.000 đồng; bà Trần Thị H số tiền 3.000.000 đồng; bà Bùi Thị Sn số tiền 10.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 227/CT-VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang xác định hành vi của bị cáo xảy ra vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1985, sửa đổi, bổ sung năm 1995 có hiệu lực pháp luật, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” được quy định tại điểm a khoản 2 điều 158 Bộ luật trên quy định có lợi hơn so với quy định tại điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 158 BLHS năm 1985, sửa đổi, bổ sung năm 1995.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo Nguyễn Thị V đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm a khoản 2 điều 158; điểm a, h khoản 1, khoản 2 điều 38; Điểm h khoản 1 điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1995. đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Th chồng bị cáo đã bồi thường cho tất cả những người bị hại, không ai yêu cầu bồi thường gì thêm, do đó không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Không.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị V có đơn xin HĐXX cho xét xử vắng mặt vì lý do bị bệnh đái tháo đường, tim mạch, huyết áp cao, thoái hóa đa khớp, thoái hóa khớp gối không đi lại được, bị cáo thấy ăn năn hối hận, nay đã tuổi cao, bệnh tật, bị cáo xin HĐXX xem xét hoàn cảnh của bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất. Ông Nguyễn Văn Th có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu giải quyết gì về dân sự

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì. HĐXX đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐST-HS ngày 10/12/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HS ngày 23/12/2021, giấy triệu tập phiên tòa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị V, người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt, những người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án, xét thấy đã có lời khai của những người tham gia tố tụng tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của bị cáo là có lý do, những người tham gia tố tụng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử, HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 điều 290; điều 292 BLTTHS xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị V trong quá trình điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th. Lời khai của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được là các giấy tờ, sổ sách ghi bị cáo đã vay, nhận tiền đóng bắt họ. Từ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 1997 đến năm 1998, bị cáo Nguyễn Thị V đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của những người có quan hệ là hàng xóm, bạn bè cùng làm ăn, buôn bán, có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tiền của những người bị hại gồm: là bà Đỗ Thị M số tiền 50.100.000 đồng, bà Phạm Thị Th số tiền 13.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng, bà Lê Thị H số tiền 10.000.000 đồng, bà Khúc Thị B số tiền 13.400.000 đồng, bà Nguyễn Thị L số tiền 21.400.000 đồng, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 15.200.000 đồng, bà Bùi Thị T số tiền 12.300.000 đồng, bà Ngô Thị V số tiền 9.200.000 đồng, bà Đỗ Thị M số tiền 9.200.000 đồng, chị Đỗ Thị T số tiền 7.200.000 đồng, chị Vũ Thị Thu H số tiền 4.600.000 đồng, bà Dương Thị L số tiền 2.600.000 đồng, bà Dương Thị L1 số tiền 2.600.000 đồng, bà Nguyễn Thị Nh số tiền 8.700.000 đồng, bà Lê Thị Ng số tiền 3.200.000 đồng, chị Đỗ Thị HH số tiền 9.200.000 đồng, bà Trần Thị H số tiền 3.000.000 đồng, bà Bùi Thị Sn số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bị

cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 219.900.000 (hai trăm mười chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai, nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ, với số tiền chiếm đoạt trên, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 điều 158 của Bộ luật hình sự năm 1985, được sửa đổi, bổ sung năm 1995. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1985, được sửa đổi, bổ sung năm 1995 đang có hiệu lực thi hành, đến nay mới xét xử, tội phạm bị cáo thực hiện tương ứng với quy định tại khoản 3 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” được quy định tại điểm a khoản 2 điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985, được sửa đổi, bổ sung năm 1995 quy định có lợi hơn so với quy định tại khoản 3 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ khoản 2 điều 7 Bộ luật hình sự năm 1999; Căn cứ khoản 2 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm c, đ khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, nên hành vi của bị cáo được áp dụng quy định tại điểm a khoản 2 điều 158 của Bộ luật hình sự năm 1985, được sửa đổi, bổ sung năm 1995 để xét xử, do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo điểm h khoản 1 điều 39 BLHS năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1995.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả và đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm a, h khoản 1, khoản 2 điều 38 BLHS năm 1985, đã được sửa đổi bổ sung năm 1995.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, bị cáo đã bị truy nã, nên xử phạt tù giam buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, tuổi cao, bị bệnh đái tháo đường, viêm đa khớp, đi lại khó khăn nên HĐXX quyết định giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, mức hình phạt

theo đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên được HĐXX chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Nguyễn Văn Th là chồng bị cáo thay mặt bị cáo bồi thường cho những người bị hại gồm: Bà Đỗ Thị M số tiền 51.600.000 đồng; ông Phạm Văn C là chồng bà Phạm Thị Th số tiền 13.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000 đồng; bà Lê Thị H số tiền 10.000.000 đồng; bà Khúc Thị B số tiền 13.400.000 đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 21.400.000 đồng; bà Nguyễn Thị L1 số tiền 15.100.000 đồng; bà Bùi Thị T số tiền 12.300.000 đồng; bà Ngô Thị V số tiền 9.200.000 đồng; bà Đỗ Thị M số tiền 9.200.000 đồng; chị Đỗ Thị T số tiền 7.200.000 đồng; chị Vũ Thị Thu H số tiền 4.600.000 đồng; bà Dương Thị L số tiền 2.600.000 đồng; bà Dương Thị L1 số tiền 2.600.000 đồng; bà Nguyễn Thị Nh số tiền 8.700.000 đồng; chị Lê Thị Ng số tiền 3.200.000 đồng; chị Đỗ Thị HH số tiền 9.200.000 đồng; bà Trần Thị H số tiền 3.000.000 đồng; bà Bùi Thị Sn số tiền 10.000.000 đồng. Nay những người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét. Đối với số tiền bồi thường trên, ông Thắng xác định là tài sản chung của vợ chồng, ông đại diện cho bị cáo đi bồi thường cho bị hại và không có yêu cầu HĐXX xem xét gì về số tiền này, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 2 điều 158; Điểm a, h khoản 1, khoản 2 điều 38; Điểm a khoản 1 điều 39; điều 25 Bộ luật hình sự năm 1985, đã được sửa đổi, bổ sung năm 1995.

Căn cứ các Điều 135, Điều 136; điểm c khoản 2 điều 290; điều 292; Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

2. Về tội danh, mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang
- VKSND TP Bắc Giang
- THADS TP Bắc Giang
- Công an TP Bắc Giang
- Những người TGT;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng